

Số: /STNMT-BVMT

Lạng Sơn, ngày tháng 4 năm 2023

V/v triển khai thực hiện Đóng góp
do quốc gia tự quyết định (NDC)
cập nhật năm 2022

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Thực hiện Công văn số 1454/BTNMT-BĐKH ngày 09/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật năm 2022; ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh tại Công văn số 1019/VP-KT ngày 13/3/2023 của Văn phòng UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật năm 2022. Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện và thành phố phối hợp triển khai thực hiện NDC năm 2022 như sau:

I. TRIỂN KHAI “NDC NĂM 2022” CỦA TRUNG ƯƠNG

Triển khai thực hiện cam kết tại Hội nghị COP26, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt các chiến lược, đề án, kế hoạch gồm: Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu tại Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25 tháng 7 năm 2022; Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 tại Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022; Kế hoạch hành động giảm phát thải mê-tan đến năm 2030 tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2022. Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) của Việt Nam năm 2022 đã được xây dựng cập nhật, bổ sung những điểm mới, nỗ lực của Việt Nam thực hiện cam kết đã đưa ra tại Hội nghị COP26 và đã gửi Ban Thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC). Nội dung cập nhật cụ thể như sau:

1. Về giảm phát thải khí nhà kính

Đóng góp giảm phát thải không điều kiện được thực hiện bằng các nguồn lực từ ngân sách nhà nước, vốn vay, đầu tư của doanh nghiệp trong và ngoài nước, đóng góp và đầu tư của người dân đến năm 2030 giảm 15,8% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với Kịch bản phát triển thông thường (BAU), tương đương 146,3 triệu tấn CO₂đ. Đóng góp giảm phát thải có điều kiện khi được quốc tế hỗ trợ thêm tài chính thích hợp và đầy đủ thông qua các khoản viện trợ không hoàn lại, phần ưu đãi trong vốn vay, các nguồn tài chính, công nghệ và tăng cường năng lực theo các cơ chế hợp tác quốc tế song phương và đa phương, đến năm 2030 giảm 43,5% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với BAU, tương

đương với 403,7 triệu tấn CO₂tđ. Trên cơ sở đó, mục tiêu và các biện pháp thực hiện giảm phát thải, hấp thụ khí nhà kính đối với các lĩnh vực cụ thể như sau:

a) Lĩnh vực năng lượng: Mục tiêu đóng góp không điều kiện giảm 64,8 triệu tấn CO₂tđ, đóng góp có điều kiện giảm 227,0 tấn CO₂tđ, với các biện pháp: giảm phát thải trong sử dụng năng lượng gồm điều hòa nhiệt độ và thiết bị lạnh hiệu suất cao trong dịch vụ thương mại và gia dụng, đèn thấp sáng tiết kiệm điện, thiết bị đun nước nóng mặt trời, khí sinh học và nhiên liệu sạch hơn thay than cho đun nấu gia đình ở nông thôn, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong các ngành công nghiệp, sử dụng các thiết bị điện hiệu suất cao, áp dụng công nghệ phát thải thấp trong sản xuất vật liệu xây dựng, tăng cường hiệu quả năng lượng trong giao thông vận tải, giới hạn tiêu thụ nhiên liệu đối với xe cơ giới, chuyển đổi phương thức vận tải hành khách và hàng hóa, tăng hệ số tải của ô tô, sử dụng CNG và nhiên liệu sinh học, sử dụng các loại xe máy, ô tô, xe buýt chạy điện. Giảm phát thải trong cung cấp năng lượng gồm phát triển năng lượng tái tạo như thủy điện nhỏ, năng lượng gió, mặt trời, phát triển nhiệt điện sinh khối, điện rác thiêu đốt và điện rác chôn lấp, điện khí sinh học, sử dụng công nghệ tua-bin khí hỗn hợp dùng LNG, phát triển công nghệ nhiệt điện cực siêu tới hạn.

b) Lĩnh vực nông nghiệp: Mục tiêu đóng góp không điều kiện giảm 12,4 triệu tấn CO₂tđ, đóng góp có điều kiện giảm 50,9 tấn CO₂tđ, với các biện pháp: ứng dụng các giải pháp quản lý cây trồng tổng hợp; áp dụng các công nghệ trong trồng trọt như tưới khô ướt xen kẽ và SRI ở vùng có hạ tầng đầy đủ; hiện đại hoá tưới nước và bón phân cho cây dài ngày; rút nước giữa vụ trong canh tác lúa; chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả thành đất cây trồng cạn hoặc đất tôm - lúa; bón phân compost và nông nghiệp hữu cơ; thay phân đạm bằng các loại phân chậm tan, phân hóa chậm; cải thiện khẩu phần ăn gia súc nhai lại; tuần hoàn chất thải nông nghiệp làm phân hữu cơ; phát triển sử dụng khí sinh học. Giảm phát thải khí mê-tan trong các tiểu lĩnh vực, đặc biệt là canh tác lúa nước và quản lý chất thải vật nuôi, phế phụ phẩm nông nghiệp là các biện pháp nhằm thực hiện tuyên bố của Việt Nam tại COP26, giảm phát thải khí mê-tan 30% vào năm 2030 so với mức phát thải năm 2020.

c) Lĩnh vực sử dụng đất, thay đổi sử dụng đất và lâm nghiệp (LULUCF): Mục tiêu đóng góp không điều kiện hấp thụ 32,5 triệu tấn CO₂tđ, đóng góp có điều kiện hấp thụ 46,6 tấn CO₂tđ, với các biện pháp: bảo vệ diện tích rừng tự nhiên hiện có ở vùng đồi núi, trong đó ưu tiên các điêm nóng về mất rừng và suy thoái rừng; bảo vệ rừng phòng hộ và rừng đặc dụng ven biển; phục hồi rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; nâng cao chất lượng và trữ lượng các-bon rừng tự nhiên nghèo; nâng cao năng suất và trữ lượng các-bon của rừng trồng gỗ lớn; nhân rộng các mô hình nông lâm kết hợp để nâng cao trữ lượng các-bon và bảo tồn đất; quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng. Các biện pháp giảm phát thải trong lĩnh vực LULUCF thể hiện quyết tâm của Việt Nam thực hiện Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất.

d) Lĩnh vực chất thải: Mục tiêu đóng góp không điều kiện giảm 8,7 triệu tấn CO₂td, đóng góp có điều kiện giảm 29,4 tấn CO₂td, với các biện pháp quản lý, giảm phát sinh chất thải rắn; phát triển và áp dụng công nghệ tái chế chất thải rắn; sản xuất phân compost và nhiên liệu có nguồn gốc từ chất thải (RDF); thu hồi, đốt và sử dụng khí mê-tan từ bãi chôn lấp chất thải rắn; xử lý kỵ khí có thu hồi khí mê-tan cho phát điện; tối ưu hóa điều kiện xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp; ứng dụng công nghệ sinh học để loại bỏ khí mê-tan từ quá trình xử lý nước thải sinh hoạt; thu hồi khí mê-tan từ xử lý nước thải công nghiệp.

đ) Lĩnh vực các quá trình công nghiệp: Mục tiêu đóng góp không điều kiện giảm 27,9 triệu tấn CO₂td, đóng góp có điều kiện giảm 49,8 tấn CO₂td, với các biện pháp: chuyển đổi, sử dụng phụ gia khoáng thiên nhiên thay thế clinker; sử dụng phụ gia là phế thải từ các ngành công nghiệp thay thế clinker; áp dụng công nghệ tốt nhất (cải tiến công nghệ BOF) để giảm phát thải N₂O cho ngành hóa chất; áp dụng công nghệ tốt nhất để giảm phát thải trong ngành thép; sử dụng các môi chất lạnh thân thiện với khí hậu; thu hồi, tái chế và tiêu hủy các chất HFCs.

Các mục tiêu giảm phát thải trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật năm 2022 thống nhất với mục tiêu giảm phát thải đã được đề ra trong Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 nhằm thực hiện mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

2. Về thích ứng với biến đổi khí hậu

Việt Nam xác định thích ứng với biến đổi khí hậu là hoạt động ưu tiên trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Mục tiêu thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm giảm thiểu mức độ dễ bị tổn thương và rủi ro trước tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu thông qua các hoạt động thích ứng cụ thể:

a) Triển khai thực hiện Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia, xây dựng và thực hiện việc giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp ngành và cấp địa phương. Thực hiện lồng ghép nội dung thích ứng với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu.

b) Phát triển hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, triển khai các giải pháp công trình, phi công trình ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn; các hoạt động nâng cao khả năng chống chịu và phục hồi của hệ thống tự nhiên và xã hội, bảo đảm sinh kế bền vững; triển khai các giải pháp thích ứng, trong đó có giải pháp thích ứng dựa vào hệ sinh thái (EBA) và các giải pháp dựa vào tự nhiên (NBS), dựa vào cộng đồng (CBA) nhằm giảm thiểu tổn thất và thiệt hại do tác động của biến đổi khí hậu đối với lĩnh vực, khu vực.

c) Tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, dự báo, cảnh báo, truyền tin thiên tai để chủ động ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

II. TRIỂN KHAI “NDC NĂM 2022” CỦA TỈNH LẠNG SƠN

1. Để triển khai thực hiện các văn bản của Thủ tướng Chính phủ trong việc thực cam kết tại Hội nghị COP26, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản gồm: Kế hoạch 212/KH-UBND ngày 12/10/2022 về triển khai thực hiện Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; Kế hoạch 209/KH-UBND ngày 14/10/2022 về triển khai thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 05/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch hành động giảm phát thải khí Mê-tan đến năm 2030; Công văn số 1242/UBND-KT ngày 14/10/2022 về triển khai thực hiện kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu để chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

2. Để triển khai các văn bản pháp luật của Trung ương về công tác thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính; UBND tỉnh đã ban hành các văn bản¹ để chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố theo chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

3. Từ các nội dung nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố phối hợp triển khai thực hiện "NDC năm 2022" trên địa bàn tỉnh, trong đó tập trung vào một số nội dung cụ thể như sau:

a) Tuyên truyền, phổ biến nội dung NDC cập nhật năm 2022, Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.

b) Tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao về việc tổ chức triển khai các hoạt động giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu theo nội dung các văn bản do UBND tỉnh đã ban hành để triển khai các văn bản pháp luật của Trung ương về công tác thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính, thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050, thực hiện cam kết tại Hội nghị COP26 trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần vào việc thực hiện các mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 đã được cập nhật trong NDC năm 2022 thực hiện cam kết đã đưa ra tại Hội nghị COP26 đã gửi Ban Thư ký Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) và Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050.

¹ Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 21/12/2017 thực hiện thỏa thuận Paris về BĐKH trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 1242/QĐ-UBND ngày 30/6/2020 phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 11/9/2020 về tổ chức thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với BĐKH giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Công văn 1221/UBND-KT ngày 02/10/2020 về việc triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định cập nhật của Việt Nam; Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 05/7/2022 về thực hiện Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia; Công văn số 335/UBND-KT ngày 14/10/2022 về triển khai thực hiện quy định về ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 15/12 hằng năm** để tổng hợp, xây dựng báo cáo của UBND tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường trước 15 tháng 01 hằng năm.

Sở Tài nguyên và Môi trường trân trọng đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố quan tâm chỉ đạo, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để B/c);
- Lãnh đạo Sở;
- Cán bộ đầu mối theo dõi;
- Lưu: VT, BVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Trục